

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2018/DS- ST

Ngày: 24-10-2018

*V/v: “Tranh chấp
dân sự về hợp đồng góp hụi”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lữ Thanh Tùng

2. Bà Bùi Phước Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2018/TLST - DS ngày 18 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp dân sự về Hợp đồng góp hụi”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2018/QĐDS - ST ngày 17/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Xuân Q (V), sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn H, huyện H, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thu Đ, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Khu phố L, phường K, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2018; quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn - bà Phạm Xuân Q trình bày:*

Do quen biết với bà Đ nên bà Q đã tham gia nhiều dây hụi do bà Đ làm chủ vào năm 2016; cụ thể như sau:

1. Ngày 25/5/2016, bà Đ mở hai dây hụi tháng 5.000.000 đồng/tháng; bà Q tham gia hai dây; mỗi dây gồm 27 phần; cùng mẫn vào tháng 7/2018.

Dây hụi 1 bà Q tham gia góp 01 phần hụi.

Dây hụi 2, bà Q tham gia góp 02 phần; trên danh sách hụi viên dây 2 có thể hiện tên hụi viên là T; bà Đ cho rằng ông T không tham gia góp hụi nữa nên bà Q thay thế; bà Q không biết ông T là ai.

Đến tháng 11/2017, bà Q hốt phần hụi của dây hụi 1 và đóng hụi chết đến tháng 4/2018 thì ngưng do bà Đ bẻ hụi; tính đến tháng 7/2018 mãn hụi, bà Q còn nợ 3 tháng hụi chết số tiền 15.000.000 đồng.

Đến tháng 4/2018 bà Q hốt một phần hụi của dây 2; bà Đ có làm biên nhận tiền hụi cho bà vào ngày 27/4/2018.

Cả hai phần hụi bà Q hốt và đóng hụi chết cho bà Đ đến tháng 4/2018 thì ngưng, do bà Đ bẻ hụi; tính đến tháng 7/2018 mãn hụi, bà Q còn nợ 6 tháng hụi chết số tiền 30.000.000 đồng.

Bà Đ còn nợ bà Q 01 phần hụi sống tính đến tháng 7/2018 số tiền gốc bà Q đã đóng cho bà Đ là 89.000.000 đồng.

Như vậy bà Đ nợ chị số tiền hụi 59.000.000 đồng.

2. Ngày 20/7/2016, bà Đ mở hai dây hụi 5.000.000 đồng/tháng; bà Q tham gia hai phần; hụi mãn vào tháng 7/2018. Bà Q đóng hụi cho bà Đ đến tháng 4/2018; từ tháng 5/2018 bẻ hụi.

Tính đến tháng 4/2018, bà Q đã đóng được số tiền gốc 162.240.000 đồng.

3. Ngày 01/6/2017, bà Đ mở hai dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, mãn vào tháng 6/2019; bà Q tham gia hai dây. Mỗi dây gồm 25 phần, bà Q tham gia mỗi dây 01 phần và đóng hụi đến tháng 4/2018 với số tiền gốc 81.940.000 đồng, đến nay bà chưa lĩnh hụi.

4. Ngày 10/6/2017, bà Đ mở hụi 5.000.000 đồng/tháng gồm 25 phần; hụi mãn vào tháng 6/2019; bà Q tham gia 02 phần. Bà Q đóng hụi cho bà Đ đến tháng 4/2018 được số tiền gốc 81.940.000 đồng; từ tháng 5/2018 hụi bẻ nên ngưng.

Hụi bỏ thăm hàng tháng thấp nhất là 1.500.000 đồng; chị phải đóng số tiền 3.500.000 đồng.

Nay bà Q (V) có yêu cầu bà Huỳnh Thu Đ trả số tiền hụi là 392.880.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Q (V) có đơn yêu cầu giám định chữ ký tên của bà Đ trên danh sách hụi viên.

* *Bị đơn* – bà Huỳnh Thu Đ vắng mặt không có ý kiến trình bày.

* *Người làm chứng* – bà Nguyễn Kim P, bà Trần Ngọc H, ông Huỳnh Minh P và bà Phạm Thị Thanh T đều thống nhất trình bày:

Người làm chứng biết được bà Q (V) là do tham gia góp hụi với bị đơn. Hàng tháng người làm chứng có đi bỏ thăm hụi tại nhà bị đơn có gặp bà Q (V) và hụi mở đến nay chưa mãn. Bị đơn có lập danh sách hụi viên và giao cho các hụi viên nhưng là bản photo.

Bà P và bà H xác định hụi bỏ thăm hàng tháng thấp nhất số tiền 1.100.000 đồng, cao nhất từ 1.200.000 đồng hoặc 1.500.000 đồng.

Bà P xác định bà Q (V) tham gia với bà dây hụi 1 mở ngày 25/5/2016. Bà P không nghe chỉ Q (V) bỏ thăm được lĩnh tiền hụi.

Bà H xác định bà Q (V) tham gia với bà dây hụi 2 mở ngày 25/5/2016 và dây hụi 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 20/7/2016 và dây hụi 2 mở ngày 01/6/2016. Bà H và bà T đều xác định bà Q (V) có lĩnh hụi một lần, ngoài ra các bà không nghe bà Q (V) lĩnh hụi lần nào khác.

Anh Huỳnh Minh P xác định bà Q (V) có tham gia với anh dây hụi 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/6/2017; anh chưa nghe bà Q (V) lĩnh hụi.

Bà T cho rằng những dây hụi bà Q (V) tham gia góp hụi với bị đơn là bà T đều có tham gia.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc 392.880.000 đồng. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn trả số tiền hụi 392.880.000 đồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo Điều 26; 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Giao dịch góp hụi được xác lập vào tháng 5 và tháng 7/2016, cần áp dụng Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết về “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi”.

[3] Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để đảm bảo cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 2, Điều 6, Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập các giao dịch về góp hụi có danh sách hụi viên do nguyên đơn cung cấp gồm:

+ Danh sách hụi viên tháng 5.000.000 đồng khai ngày 25/5/2016; mãi ngày 25/5/2018 dây 1 và dây 2;

+ Danh sách hụi viên tháng 5.000.000 đồng khai ngày 10/6/2017; mãi ngày 10/6/2019;

+ Danh sách hội viên tháng 5.000.000 đồng khai ngày 01/6/2017; mãi ngày 01/6/2019 đây 1;

+ Danh sách hội viên tháng 5.000.000 đồng khai ngày 20/7/2016; mãi ngày 20/7/2018 đây 1.

Xét thấy danh sách hội viên ngày 25/5/2016, ngày 01/6/2017, ngày 20/7/2016 do nguyên đơn cung cấp đều có thể hiện chữ ký tên.

Và tại kết luận giám định số: 1102/KL-KTHS ngày 15/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh đã kết luận: Chữ ký tên Huỳnh Thu Đ trên tài liệu cần giám định và chữ ký tên Huỳnh Thu Đ trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký ra; chữ viết trên tài liệu cần giám định với chữ viết đứng tên Huỳnh Thu Đ trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký ra. Như vậy có cơ sở xác định chữ ký tên trên danh sách hội viên các ngày 25/5/2016, ngày 10/6/2017, ngày 01/6/2017 và ngày 20/7/2016 và trên giấy đăng hội ngày 27/4/2018 do nguyên đơn cung cấp là chữ ký tên của bị đơn.

Đối với danh sách hội viên lập ngày 10/6/2017, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không cung cấp được bản gốc. Tuy nhiên người làm chứng anh P đã xác định nguyên đơn có tham gia góp hội với anh vào ngày 10/6/2017, hội đến năm 2019 mãi và anh chưa nghe nguyên đơn đã được lĩnh hội.

Ngoài ra những người làm chứng xác định nguyên đơn có tham gia góp hội với bị đơn vào các ngày 25/5/2016, ngày 10/6/2017, ngày 01/6/2017 và ngày 20/7/2016; biết nguyên đơn lĩnh hội được 01 lần, ngoài ra không biết lĩnh hội lần nào khác.

Bà Q xác định số tiền hội gốc đóng mỗi tháng cho bị đơn là 3.500.000 đồng là có cơ sở; bởi lẽ số tiền hội phải đóng được ghi trên danh sách hội viên có ký tên được giám định là chữ ký của bị đơn. Đồng thời người làm chứng xác định số tiền hội hàng tháng phải hội viên đóng thấp nhất là 3.500.000 đồng và cao nhất là 3.900.000 đồng.

Tuy nhiên bị đơn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến; do đó chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ.

Về lãi suất: Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu Án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm ngàn) đồng; Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi nợ gốc; Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu Án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Xuân Q đối với bà Huỳnh Thu Đ.

Buộc bà Huỳnh Thu Đ có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Xuân Q số tiền hụi 392.880.000 (ba trăm chín mươi hai triệu, tám trăm tám chục ngàn) đồng.

2. Ghi nhận bà Phạm Thị Xuân Q không yêu cầu tính lãi suất.

3. Án phí sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thu Đ phải chịu số tiền 19.644.000 (mười chín triệu, sáu trăm, bốn mươi bốn ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.822.000 (chín triệu tám trăm hai mươi hai ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0005476 ngày 18/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Người vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND.TTN;
- VKSND.TPTN;
- CC.THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Minh Châu

